

Một số bất cập về quyền hưởng dụng theo pháp luật Việt Nam

Some gaps about usufruct rights under Vietnamese law

Lê Duy Lượng^{1*}

¹Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: duyluong.ru@gmail.com

THÔNG TIN

DOI: 10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.18.1.2348.2023

Ngày nhận: 14/06/2022

Ngày nhận lại: 30/09/2022

Duyệt đăng: 24/11/2022

Từ khóa:

bộ luật dân sự; góp vốn bằng quyền hưởng dụng; khái niệm về quyền hưởng dụng; quyền hưởng dụng; tài sản; thế chấp quyền hưởng dụng

Keywords:

civil law; capital contribution by usufruct right; concept of usufruct right; usufruct right; property; mortgage of usufruct right

TÓM TẮT

Trong xã hội ngày nay, các tài sản dưới dạng quyền hưởng dụng ngày càng đa dạng, có xu hướng gia tăng theo thời gian và đây là quyền mới được quy định trong Bộ luật Dân sự (BLDS) 2015 (Quốc hội, 2015). Chính vì vậy, pháp luật điều chỉnh về quyền hưởng dụng còn một số bất cập như: thời hạn hưởng quyền hưởng dụng, việc hoàn trả lại tài sản là quyền hưởng khi góp vốn vào công ty, đăng ký tài sản là quyền hưởng dụng, ai phải bồi thường thiệt hại do tài sản là hưởng dụng gây ra. Các bất cập này sẽ được bài viết biện giải, chỉ ra qua phương pháp tra cứu, phân tích, diễn dịch, quy nạp, để dự báo hậu quả, giảm thiểu rủi ro cho các chủ thể khi tham gia giao dịch bằng loại tài sản này và đưa ra các gợi ý điều chỉnh, cải thiện pháp luật về quyền hưởng dụng đối với các vấn đề còn bất cập.

ABSTRACT

In today's society, assets in the form of usufruct rights are increasingly diversified and tend to increase over time and this is a new right stipulated in the Civil Code 2015 (Quốc hội, 2015). Therefore, the law governing usufruct rights has some shortcomings such as the duration of usufruct, the return of property is the right to enjoy when contributing capital to the company, property registration is usufruct right, who must compensate for damage caused by the usufruct property. These inadequacies will be explained by the article, pointed out through the methods of searching, analyzing, deducting, and inducting, in order to predict consequences and reduce risks for entities when participating in transactions with this type of financial asset. This property and make suggestions to improve the law on usufruct rights on the inadequate issue.

1. Giới thiệu

Quyền hưởng dụng là một trong những điểm mới được quy định trong BLDS 2015, theo Doan và Nguyen (2020) “*quyền hưởng dụng được coi là quan trọng nhất trong thực tiễn giao dịch dân sự từ trước đến nay*”, nhưng trong quá trình xây dựng luật chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến thiếu tương thích, đồng bộ với một số quy định của luật khác, rủi ro cho các chủ thể khi giao dịch bằng loại tài sản này, như: việc góp vốn thành lập công ty bằng quyền hưởng dụng, thế chấp quyền hưởng dụng, bồi thường thiệt hại do tài sản là quyền hưởng dụng gây ra,

quyền hưởng dụng gắn liền với đất. Chính vì vậy, tác giả nhận thấy việc nghiên cứu hiểu rõ thực trạng pháp luật quy định về quyền hưởng dụng để đánh giá tìm ra những bất cập, dự báo về hậu quả để làm căn cứ kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quyền hưởng dụng là điều cần thiết, nhằm thúc đẩy giao lưu dân sự tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết về các quyền lợi

Theo Vu (1973, tr. 196, 197) “*khi một quyền lợi được phát sinh ra, tức là đồng thời phát sinh một nghĩa vụ tương đương đối với một người khác*”, vì vậy khi nghiên cứu nguyên nhân quyền lợi, cũng chính là nghiên cứu các nguyên nhân nghĩa vụ. Cũng theo Vu (1973), có 05 nguyên nhân phát sinh nghĩa vụ là “*khế ước, chuẩn khế ước, dân sự phạm, chuẩn dân sự phạm và do pháp luật quy định như nghĩa vụ cấp dưỡng*”.

Theo Vu (1973, tr. 198, 203), ngày nay, khoa học pháp lý thường chia nguyên nhân phát sinh ra nghĩa vụ thành hai loại là các hành vi pháp luật và các sự kiện pháp luật, theo đó “*Hành vi pháp lý là một sự biểu hiện ý chí có mục đích phát sinh ra một hiệu lực về phương diện pháp lý để thay đổi một tình trạng pháp lý hiện tại*”, ví dụ như di chúc, hứa thưởng, ... và “*các sự kiện pháp luật có thể là một biến cố hoàn toàn không tùy thuộc vào ý chí đương sự, hay nếu có do ý chí của đương sự làm ra, cũng hoàn toàn ngoài mục đích muốn phát sinh ra hiệu lực pháp luật*”, ví dụ như một người chết sẽ để lại thừa kế là tài sản của người ấy, hoặc khi mưa bão làm hư hỏng tài sản có thể phát sinh hệ quả về bảo hiểm, tai nạn về giao thông sẽ dẫn đến bồi thường thiệt hại.

Khi nói đến các quyền lợi thì ta không thể không nói về sở hữu: “*sở hữu được hiểu là quan hệ giữa người với người đối vật (tài sản). Vật này là của Tôi tức là không phải của Anh. Với quan niệm truyền thống như vậy, chúng ta đã lấy quyền sở hữu làm trung tâm của chế định sở hữu*”. Theo Dinh và Nguyen (1994, tr. 151, 152) “*Quyền sở hữu là mức độ xử sự mà pháp luật cho phép một chủ thể được thực hiện các quyền năng chiếm hữu, sử dụng và định đoạt trong những điều kiện nhất định*”.

Những quyền lợi này được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, chủ thể thực hiện các quyền lợi này phải phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng xã hội. Người có quyền lợi có thể chuyển giao cho người khác, trừ quyền nhân thân và người được nhận chuyển giao chỉ được thụ hưởng các quyền lợi trong phạm vi, điều kiện, thời hạn cho phép, quyền của người nhận chuyển giao không bao giờ được nhiều hơn người có quyền lợi. Việc định đoạt miễn sao không trái pháp luật, quyền này chỉ bị tước đoạt, mất đi vì lợi ích quốc gia, cộng đồng và được bồi thường một cách thỏa đáng hoặc bị hạn chế, trung dụng trong trường hợp thật sự cần thiết.

2.2. Định nghĩa và phân loại về tài sản

2.2.1. Định nghĩa về tài sản

Theo Nguyen (1999, tr. 5), thuật ngữ tài sản có thể được hiểu theo hai cách, cách thứ nhất “*tài sản là của cải được con người sử dụng*”, cách thứ hai “*tài sản là một vật được con người sử dụng, một vật cụ thể, nhận biết được bằng giác quan tiếp xúc: bán ghế, xe máy, giấy bạc, ...*”.

Theo Ngo (2003), “*khái niệm về tài sản không phải là một khái niệm thuần túy có tính cách học thuật mà là một khái niệm có tính mục đích rất cao. Khái niệm này phải đáp ứng được các nhu cầu cần thiết của xã hội. Tài sản không thể được xem xét tách rời các giá trị xã hội. Trải qua các giai đoạn, vật nào được xem là tài sản như nô lệ, đất đai, cây cối, các sản phẩm của tư tưởng, của trí tuệ thể hiện sự phát triển văn minh của xã hội loài người*”.

Theo Pham (2011, tr. 94), “*tài sản có thể được hiểu là bất cứ thứ gì có giá trị*”, cũng theo Pham (2011, tr. 96, 97), “*Theo một lý thuyết của Harold Demsetz (1967) quyền tài sản được hiểu là tập hợp của rất nhiều quyền và lợi ích, trong đó có các quyền cơ bản như quyền kiểm soát việc sử dụng tài sản, quyền thụ hưởng lợi nhuận thu được từ việc sử dụng tài sản, các quyền chuyển nhượng, thế chấp tài sản. Theo lý thuyết này, một quyền tài sản đương nhiên có thể bị kiểm soát và chia sẻ lợi ích bởi nhiều chủ thể. Các nghiên cứu về quyền tài sản có lẽ đều vay mượn cơ bản từ thuyết “bundle of rights” (Damsetz, 1967)*”.

Tài sản là những thứ gì có lợi ích cho con người, có giá trị kinh tế và có thể trị giá được bằng tiền, hay những quyền lợi mà các đồ vật đó là đối tượng (một số đồ vật có giá trị ta có thể lấy ra lợi ích từ vật đó). Ví dụ, tài sản là nhà cửa, ruộng, đất, cây cối, vật nuôi, ...

2.2.2. Phân loại về tài sản

Theo Bộ Dân luật Việt Nam thì “*tài sản được chia làm động sản và bất động sản*” (Điều 362, Bộ Dân luật 1972, Tối cao pháp viện, 1972) (Việt Nam Cộng Hòa, 1973). Theo BLDS Pháp thì “*tài sản chia thành động sản và bất động sản*” (Điều 516, BLDS Pháp, 2005) (Truong, Doan, Ho, & Dao, 2005). Với cách phân loại như vậy, ta khẳng định rằng tài sản chỉ gồm có hai loại là động sản và bất động sản, ngoài ra không có thêm loại nào khác.

Theo Nguyen (1999, tr. 51), “*ngoài sự phân biệt giữa động sản và bất động sản, BLDS còn dự liệu những cách khác để phân loại tài sản: hoa lợi, lợi tức và tài sản sinh lợi (được hiểu ngầm); vật chính và vật phụ, vật chia được và vật không chia được; vật tiêu hao; vật cùng loại và vật đặc định*”.

Theo Ngo (2003), “*người ta có nhiều cách phân loại tài sản khác nhau như: vật tiêu hao và vật không tiêu hao; vật chia được và vật không chia được; vật cùng loại và vật đặc định; vật chính và vật phụ, ... nhưng quan trọng nhất và trên hết tất cả là cách phân loại tài sản truyền thống chia tài sản thành bất động sản và động sản*”.

Theo BLDS 2015 đã chia tài sản thành các loại: “*tài sản bao gồm động sản và bất động sản; hiện có và hình thành trong tương lai; hoa lợi, lợi tức; vật chính và vật phụ; vật chia được và vật không chia được; vật tiêu hao và vật không tiêu hao; vật cùng loại và vật đặc định; vật đồng bộ; quyền tài sản*” (từ Điều 107 đến Điều 115, BLDS 2015, Quốc hội, 2015). Căn cứ chủ yếu để phân loại tài sản là dựa vào bản chất vật lý và tính năng sử dụng của tài sản.

Theo các cách phân loại nêu trên, động sản là tài sản có thể di chuyển được (ví dụ: bàn ghế, súc vật, ...), còn bất động sản là những vật bị gắn chặt không di chuyển được (ví dụ: nhà cửa, cây cối, ...).

2.3. Khái niệm và dấu hiệu nhận biết tài sản là quyền hưởng dụng

2.3.1. Khái niệm về quyền hưởng dụng

Theo Nguyen (2018, tr. 256) “*quyền hưởng dụng là một sự vận dụng pháp luật nước ngoài, tuy nhiên không phải là nội dung mới trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nó được ghi nhận trong Bộ luật Nam Kỳ, Trung Kỳ với tên gọi là quyền dụng ích*”. Điều 414 Bộ Dân luật Việt Nam Cộng Hòa “*quyền dụng ích là một vật quyền cho phép hưởng dụng và thu lợi một tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác trong thời gian không quá đời sống của người thụ dụng, với trách vụ giữ nguyên tài sản ấy*”.

Theo Vu (1973, tr. 179), “*quyền dụng ích cũng gọi là quyền ứng dụng thu lợi (usufruit) chỉ bao gồm có hai yếu tố của quyền sở hữu: quyền ứng dụng và quyền thu hoa lợi*”.

Theo từ điển thuật ngữ pháp luật Pháp - Việt do Nhà Xuất bản từ điển Bách Khoa (Nhà

pháp luật Việt - Pháp, 2009, tr. 394), thuật ngữ “*quyền hưởng dụng*” được giải thích là “*dùng để chỉ một trong những thuộc tính của quyền sở hữu, đó là quyền hưởng dụng đối với hoa lợi thu được trên tài sản đó*”.

Theo Trieu (2000, tr. 257) “*quyền sử dụng và quyền hưởng lợi cùng rơi vào tay một người, gọi là thụ dụng. Hai quyền này trở thành hai yếu tố của một quyền hợp nhất gọi là quyền hưởng dụng thu lợi (còn được gọi là quyền dụng ích). Chữ usufruit trong tiếng Pháp bao gồm hai yếu tố usus và fructus trong tiếng La tinh. Vậy người thụ dụng có quyền hưởng dụng thu lợi tức có hai quyền sử dụng và hưởng lợi*”. Theo Vu (1970, tr. 874) chữ “*usufruit có nghĩa là quyền dụng ích, quyền ứng dụng thu lợi*”.

Theo BLDS 2015 định nghĩa về quyền hưởng dụng như sau “*Quyền hưởng dụng là quyền của chủ thể được khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác trong một thời hạn nhất định*” (Điều 257, BLDS 2015, Quốc hội, 2015). Trong khái niệm này, ta hiểu rằng đối tượng của quyền hưởng dụng là tài sản, nó thuộc quyền chủ sở hữu của một chủ thể khác và chủ thể này đã chuyển giao sang chủ thể khác để chủ thể đó “*khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức đối với tài sản*”. Cứ có tài sản thì sẽ có quyền hưởng dụng, không giới hạn nó phải là động sản hay bất động sản hay là vô hình hay hữu hình, tiêu hao hay đặc định, hiện có hay tương lai.

2.3.2. Dấu hiệu nhận biết tài sản quyền hưởng dụng

Dấu hiệu nhận biết tài sản là quyền hưởng dụng phải thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện, bao gồm: (i) là tài sản như máy móc, công cụ gắn với nhà xưởng, nhà cửa, vật nuôi, cây cối, một bức tranh, một tác phẩm nghệ thuật, ...; và (ii) các tài sản này đã được chủ sở hữu chuyển giao cho người khác khai thác, sử dụng bằng hợp đồng hoặc di chúc hoặc theo quy định của pháp luật.

Theo Nguyen (2021, tr. 359) “*trong chừng mực nào đó, có thể phân tích quyền hưởng dụng như là kết quả chia tách các nội dung của quyền sở hữu: người có quyền hưởng dụng nắm giữ quyền sử dụng; còn chủ sở hữu giữ lại cho mình quyền định đoạt đối với tài sản*”. Bản chất ở đây là quyền hưởng dụng được tách ra khỏi quyền sở hữu, chủ sở hữu chỉ còn duy nhất một quyền đó là quyền sở hữu tài sản mà thôi, hai quyền còn lại là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng trao cho người hưởng dụng.

Ví dụ như quyền hưởng hoa lợi từ việc cho thuê một chiếc xe ô tô; hay như ông A là chủ sở hữu một ngôi nhà và cái nhà này ông A cho con của ông A có quyền khai thác, sử dụng và thu lợi tức từ việc khai thác, sử dụng. Trong trường hợp này ngoài ngôi nhà là tài sản, còn quyền lợi mà ngôi nhà đem lại cũng là tài sản, đó chính là quyền hưởng dụng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: thực trạng pháp luật Việt Nam quy định về quyền hưởng dụng như thế nào?

Câu hỏi 2: bất cập của pháp luật về quyền hưởng dụng là gì và hậu quả khi áp dụng trên thực tế như thế?

Câu hỏi 3: cần đề xuất nội dung gì để hoàn thiện các bất cập về quyền hưởng dụng?

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chủ yếu trong bài viết là tra cứu để tìm kiếm, phân tích, tổng hợp, nghiên cứu đánh giá các thông tin, nguồn tài liệu đáng tin cậy như sách, các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín, ... Để trả lời cho câu hỏi thứ 1, tác giả sử dụng phương pháp tra cứu văn bản luật, tạp

chí để phân tích, bình luận và để giải quyết câu hỏi thứ 2 và thứ 3, tác giả sử dụng phương pháp phân tích diễn dịch, quy nạp và phương pháp nghiên cứu đánh giá để dự báo hậu quả của quy định pháp luật khi áp dụng trên thực tế.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng pháp luật quy định về quyền hưởng dụng

4.1.1. Xác lập quyền hưởng dụng

Theo quy định của BLDS 2015, có ba trường hợp xác lập quyền hưởng dụng: (i) xác lập theo luật thì chủ yếu được hình thành dưới dạng là thừa kế; (ii) xác lập theo thỏa thuận thường bằng hợp đồng, hành vi; và (iii) xác lập bằng di chúc đây là hình thức văn bản pháp lý đơn phương của bên có tài sản để lại cho người hưởng tài sản theo các điều kiện trong di chúc (Điều 258, BLDS 2015, Quốc hội, 2015).

Thời điểm xác lập quyền hưởng dụng không nhất thiết là phải bắt buộc vào đúng thời điểm nhận chuyển giao tài sản, các bên vẫn có thể thỏa thuận khác đi (Điều 259, BLDS 2015, Quốc hội, 2015).

4.1.2. Thời hạn của quyền hưởng dụng

Quyền hưởng dụng tài sản chỉ có trong một thời hạn nhất định, theo đó, nó có thời hạn “tối đa đến hết cuộc đời của người hưởng dụng đầu tiên nếu người hưởng dụng là cá nhân và đến khi pháp nhân chấm dứt tồn tại” (Điều 260, BLDS 2015, Quốc hội, 2015). Việc quy định thời hạn “tối đa là 30 năm đối với pháp nhân” là có sự chưa phù hợp với thời hạn sử dụng đất theo pháp luật về đất đai (Điều 125, Điều 126, Luật Đất đai 2013, Quốc hội, 2013), nhà ở, bởi vì nếu pháp nhân có quyền hưởng dụng là căn nhà trên đất theo đúng bằng thời gian giao đất là 49 năm thì lúc này nếu áp dụng quy định này, pháp nhân chỉ có quyền hưởng dụng nhà ở tối đa 30 năm, là có sự xung đột. Lẽ ra thời hạn quyền hưởng dụng có thể là vô hạn định hay là không xác định thời hạn, hoặc cũng có thể là có một thời hạn nhất định, từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc, cũng có khi phải có một điều kiện gì đó phát sinh thì mới bắt đầu có quyền hưởng dụng hoặc cũng có khi là kết thúc thời hạn hưởng quyền hưởng dụng, nhưng dù trong trường hợp nào đi chăng nữa thì quyền hưởng dụng cũng chỉ được đến hết đời người có quyền hưởng dụng là cùng. Người hưởng dụng chỉ được hưởng trong một thời gian nhất định nên chỉ quan tâm đến việc làm sao thu được nhiều lợi ích có thể trong khoảng thời gian đó, mà không chăm lo phát triển tài sản, dẫn đến hết thời hạn hưởng dụng thì giá trị tài sản đã giảm đi rất nhiều.

4.1.3. Đối tượng của quyền hưởng dụng

Đối tượng của quyền hưởng dụng, gồm: vật và tài sản tiêu hao. Như vậy, ở đây đối tượng của quyền hưởng dụng là rất rộng, được xác lập trên cả động sản và bất động sản, “*quyền hưởng dụng có thể có đối tượng không chỉ là vật hữu hình mà còn cả quyền vô hình như quyền đòi nợ, quyền tác giả, sáng chế, sản nghiệp thương mại*” (Do, 2017). Nếu quyền hưởng dụng là tài sản tiêu hao thì không thể trả lại đúng tài sản đó cho chủ sở hữu được, mà phải trả lại bằng một tài sản cùng loại và phải có đầy đủ công dụng như ban đầu, do vậy nó mang bản chất là một dạng của hợp đồng vay. Ví dụ ông A cho ông B vay một ít gạo thì sau này, ông B sẽ trả lại cho ông A gạo cùng loại đảm bảo chất lượng, số lượng hoặc có thể là giá trị tương đương với lúc ban đầu, chứ ông B không thể trả bằng chính số gạo mà ông A đã cho ông B vay được.

4.1.4. Nghĩa vụ của người hưởng dụng

Theo quy định của BLDS 2015 người hưởng dụng có nghĩa vụ “*giữ gìn, bảo quản tài sản như tài sản của mình*” (Khoản 3, Điều 262, BLDS 2015, Quốc hội, 2015), tức là người hưởng

dụng phải giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng tài sản luôn ở trạng thái tốt, vun đắp, chăm sóc tài sản tươi tốt, khỏe mạnh, trông nom tài sản cẩn trọng không cầu thả, chệnh mảng làm ảnh hưởng xấu đến tình trạng của tài sản. Người hưởng dụng phải làm những việc sửa chữa nhỏ theo định kỳ, để bảo quản, giữ gìn tài sản luôn ở trạng thái tốt, trừ những hao mòn tự nhiên, còn việc sửa chữa, tu bổ lớn sẽ thuộc về chủ sở hữu. Nếu trong quá trình sử dụng, khai thác tài sản mà người hưởng dụng có lỗi không sửa chữa nhỏ theo định kỳ để bảo quản, duy tu tài sản luôn ở trạng thái tốt thì phải chịu trách nhiệm sửa chữa lớn đối với tài sản. Phải chịu trách nhiệm nộp các khoản thuế, phí hằng năm hoặc phải mua bảo hiểm tài sản theo quy định pháp luật hiện hành.

4.1.5. Chấm dứt quyền hưởng dụng và hoàn trả tài sản

Có 07 trường hợp chấm dứt quyền hưởng dụng được quy định tại Điều 265, BLDS 2015, Quốc hội (2015). Ví dụ như ta đi phân tích căn cứ chấm dứt trong trường hợp “*theo quy định của pháp luật*” quy định này được hiểu chấm dứt quyền hưởng dụng trong trường hợp người hưởng quyền đã lạm quyền hay làm phá hoại, hư hỏng tài sản, hoặc không bảo quản tốt dẫn đến tài sản bị hư hỏng; hoặc căn cứ chấm dứt trong trường hợp “*theo quyết định của Tòa án*” cũng có thể những người chủ nợ của người hưởng dụng yêu cầu tòa án bảo vệ quyền lợi cho mình; tuy nhiên, quy định về chấm dứt quyền hưởng dụng còn chung chung, chẳng hạn có các trường hợp thường xảy ra trong đời sống, như là chủ sở hữu đã bị chết trước khi người có quyền hưởng dụng phải hoàn trả thì xử lý như thế nào và trong trường hợp đồng chủ sở hữu thì phải xử lý thế nào.

Việc hoàn trả tài sản quyền hưởng dụng là “*khi chấm dứt quyền hưởng dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*” (Điều 266, BLDS 2015, Quốc hội, 2015), tức là người hưởng dụng phải trả tài sản ở tình trạng giống như lúc bắt đầu có quyền hưởng dụng, nếu có lỗi thì phải bồi thường cho chủ sở hữu tài sản. Ví dụ như quyền hưởng dụng là một đàn trâu nhưng trong thời gian sử dụng thì có một hoặc một số con chết vì bị bệnh thì người hưởng dụng không phải đền lại con trâu khác hay không phải đền tiền cho chủ sở hữu của đàn trâu vì người hưởng dụng không có lỗi; hoặc ví dụ khác ngôi nhà lâu ngày sử dụng bị sụp đổ thì người hưởng quyền hưởng dụng sẽ bị chấm dứt và bàn giao lại tài sản là đất và vật tư, vật liệu cho chủ sở hữu ngôi nhà.

4.2. Bất cập về pháp luật điều chỉnh về quyền hưởng dụng

4.2.1. Góp vốn thành lập công ty bằng quyền hưởng dụng

Góp vốn bằng quyền hưởng dụng là người chủ sở hữu chỉ góp bằng việc chuyển giao tài sản vào công ty “*bằng quyền được khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản trong thời hạn góp vốn thành lập công ty*”, do đó, công ty sẽ không được định đoạt tài sản này, mặc dù quyền hưởng dụng tài sản này đã thuộc chủ sở hữu của công ty. Như vậy, nó có tính chất gần giống với việc cho thuê tài sản trong một thời hạn và hưởng lợi nhuận từ việc cho thuê này theo hình thức ăn chia (lời, lỗ). Vàng, ngoại tệ tự do và các loại tài sản góp vốn khác mà không phải là Đồng Việt Nam thì phải bắt buộc chuyển đổi định giá bằng Đồng Việt Nam (Khoản 1, Điều 36, Luật Doanh nghiệp 2020, Quốc hội, 2020).

Khi đó, công ty sẽ được hưởng dụng tài sản này trong thời hạn góp vốn, người góp vốn phải sửa chữa tài sản đảm bảo không bị suy giảm đáng kể tới tài sản không thể sử dụng được hoặc mất toàn bộ công dụng, giá trị của tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác trong thỏa thuận góp vốn thành lập công ty. Nó sẽ hạn chế các quyền của công ty, khi mà không được đem tài sản của công ty là quyền hưởng dụng tài sản để đem đi cầm cố, thế chấp bảo đảm cho các nghĩa vụ cho các giao dịch đảm bảo, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển của công ty. Đồng thời, công ty cũng không thể đem tài sản này để bán cho người khác, thường được thể hiện là hợp đồng mua bán cổ phần.

Khi giải thể, tài sản góp vốn bằng quyền hưởng dụng lại trả lại cho người góp vốn, chứ không phải là tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp để thực hiện thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, phần còn lại sẽ chia cho các thành viên/cổ đông trong công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp (Khoản 5, Khoản 6, Điều 208, Luật Doanh nghiệp 2020, Quốc hội, 2020).

4.2.2. Thế chấp quyền hưởng dụng

Triết lý cứ tài sản nào mà được tự do lưu thông trên thị trường thì sẽ được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, đây là một triết lý phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Thế chấp là một trong chín loại biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ được quy định theo pháp luật dân sự (Điều 292, BLDS 2015, Quốc hội, 2015) và được quy định tại Khoản 1, Điều 317, BLDS 2015, Quốc hội (2015). Biện pháp thế chấp được tạo ra bởi các yếu tố sau: “(i) bằng chứng để chứng minh bên thế chấp có/hoặc sẽ có quyền sở hữu đối với tài sản thế chấp; (ii) cam kết giữa bên thế chấp và bên nhận thế chấp về việc thế chấp; và (iii) công bố quyền của bên nhận thế chấp thông qua việc đăng ký” (Vu, 2015, tr. 12). Tài sản thế chấp được hiểu là nó sẽ có đầy đủ các thuộc tính như là tính xác định, cụ thể và chuyển giao được trong giao dịch dân sự một cách bình thường.

Vấn đề đặt ra đối với thế chấp tài sản là tiếp cận theo hướng tài sản phải thuộc quyền sở hữu của bên đem đi thế chấp hay là trị giá của tài sản đem đi thế chấp là bao nhiêu. Đối với cách tiếp cận dưới góc độ quyền sở hữu thì nó phải của chủ sở hữu mới đem đi thế chấp được, nó nhằm mục đích đảm bảo sự truy đòi của bên nhận thế chấp đối với bên thế chấp. Đối với cách tiếp cận dưới góc độ về trị giá: với hướng tiếp cận này, ta quan tâm đến ba nội dung chính, đó là: (i) giá trị tài sản là bao nhiêu khi thực hiện giao dịch, (ii) đem bán/chuyển nhượng được tài sản trên thị trường (tính thanh khoản) và (iii) người thế chấp có quyền đem đi thế chấp trong thời hạn thế chấp hay không, chứ không bắt buộc là phải của chủ sở hữu. Điều này là có tính thuyết phục, hợp lý để nhằm mục đích sẽ xử lý khi người thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, khi đó, bên nhận thế chấp sẽ dùng quyền này để xử lý tài sản thế chấp.

Pháp luật hiện hành quy định, chủ thể có quyền hưởng dụng không phải công bố, đăng ký để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, dẫn đến rủi ro không được pháp luật bảo vệ mà phải tự chủ thể bảo vệ cho chính mình khi có tranh chấp phát sinh. Theo Do (2016, tr. 275) “ý chí của nhà làm luật đã rất rõ là đã bỏ quy định về khả năng “xác lập biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng quyền hưởng dụng”. Trong tương lai khi mà kiến thức về quyền hưởng dụng đã được phổ cập rộng rãi, chúng ta hoàn toàn có thể sửa luật để ghi nhận khả năng xác lập biện pháp bảo đảm bằng quyền hưởng dụng”.

Áp dụng vấn đề phân tích nêu trên, mặc dù pháp luật coi quyền hưởng dụng là một loại tài sản được giao dịch nhưng chưa có quy định rõ ràng về việc thế chấp loại tài sản này sẽ được thực hiện như thế nào, mà mới dừng lại ở một quy định chung chung tại Khoản 1, Điều 106, BLDS 2015, Quốc hội (2015) và của Bộ Tư pháp đó là “quyền tài sản khác theo quy định của pháp luật” (Điểm d, Khoản 7, Điều 6, Thông tư số 290/VBHN-BTP ngày 01/02/2021, Bộ Tư pháp, 2021), nên dẫn đến lúng túng trong triển khai thực hiện, do đó rất cần một văn bản của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn về nội dung này.

4.2.3. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản gây ra

Trong dân gian ta thường có câu “năm người có tóc, chứ không năm người trọc đầu”, để chỉ sự bồi thường thiệt hại, nếu xét theo quan hệ pháp lý theo người, sẽ yêu cầu, ràng buộc trách nhiệm nghĩa vụ pháp lý vào người có quyền chủ sở hữu chứ không ràng buộc người không có

quyền sở hữu, đây là một học lý hướng vào chủ sở hữu, bởi vì theo lẽ người chủ sở hữu không hề có ý định từ bỏ quyền sở hữu của mình. Tuy nhiên, đó là xét quan hệ pháp lý về người, còn nếu do tài sản gây thiệt hại thì sẽ giải quyết ra sao, điển hình thường gặp là nguồn nguy hiểm cao độ (xe ô tô, máy móc, thiết bị, chất cháy nổ, ...), đây là một vấn đề khá phức tạp trong đời sống dân sự ở nước ta, do chưa có sự thống nhất, dẫn đến việc áp dụng còn khác biệt giữa các địa phương khác nhau, trong nội dung này, tác giả xin tập trung vào phần bồi thường thiệt hại do quyền hưởng dụng tài sản gây ra để làm toát lên được một số bất cập quy định trong BLDS 2015.

Tài sản không thể có lỗi, không thể gây ra thiệt hại được, bởi vì tài sản không thể tự thực hiện hành vi mà bắt buộc phải thông qua người cụ thể, trong rất nhiều trường hợp, kể cả chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng tài sản đã thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết nhưng vẫn có thiệt hại do tài sản gây ra. Để đảm bảo nguyên tắc công bằng trong đời sống xã hội, nhất định là phải có sự bồi thường thiệt hại ở đây.

Theo quy định của BLDS 2015, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản gây ra như: (i) bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra (Điều 601, BLDS 2015, Quốc hội, 2015), (ii) bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra (Điều 603, BLDS 2015, Quốc hội, 2015), (iii) bồi thường do cây cối gây ra (Điều 604, BLDS 2015, Quốc hội, 2015), bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra (Điều 605, BLDS 2015, Quốc hội, 2015). Chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng hay hưởng dụng sẽ phải chịu trách nhiệm trong trường hợp này, ai chịu trách nhiệm trước, ai chịu trách nhiệm sau và có hay không có phân chia theo tỷ lệ bồi thường thiệt hại. Theo tác giả, người nào đang khai thác, sử dụng tài sản thì người ấy phải chịu trách nhiệm. Trường hợp bất khả kháng hoặc là một lỗi không hề có liên quan đến người có quyền hưởng dụng (do lỗi hà tì, khuyết tật, lỗi của tài sản) mà gây ra thiệt hại thì thuộc về chủ sở hữu tài sản.

Nhìn theo phương diện về quyền, thì người chủ sở hữu là người được thực hiện các quyền đầy đủ, tối cao nhất đối với tài sản thuộc sở hữu của mình, như chiếm hữu, sử dụng, định đoạt, khai thác, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản mang lại. Về lẽ chung, khi tài sản mà gây ra thiệt hại, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm bồi thường, song, nếu tài sản đó đã được thỏa thuận chuyển giao quyền hưởng dụng tài sản hợp pháp sang chủ thể khác, trừ quyền định đoạt, lúc này chủ thể phải chịu trách nhiệm bồi thường là người nhận chuyển giao.

Nếu trong trường hợp thỏa thuận chuyển giao đã thỏa thuận nội dung bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra là chủ thể nào phải chịu và nội dung này đã thể hiện một cách minh thị, rõ ràng, chủ thể đó sẽ phải chịu trách nhiệm. Nếu các bên không có thỏa thuận, người đang hưởng dụng tài sản đó phải chịu hoàn toàn và/hoặc có thể chủ sở hữu cũng liên đới trách nhiệm.

Chủ thể nào nắm quyền kiểm soát, chi phối tài sản thì chủ thể đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản đó gây ra, bởi vì đã không quản lý, sử dụng tài sản với tất cả sự thận trọng cần thiết, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Ví dụ như người điều khiển ô tô gây ra tai nạn giao thông chỉ được miễn trừ trách nhiệm khi đó là do lỗi khuyết tật của chiếc ô tô, còn không người điều khiển ô tô phải có nghĩa vụ đề phòng mọi tai nạn mà chiếc ô tô có thể gây ra cho người khác. Tuy nhiên, pháp luật chưa đưa ra quy định cụ thể để xác định được chính xác chủ sở hữu hay người đang có quyền hưởng dụng sẽ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại trong hoàn cảnh cụ thể nào, mà mới dừng lại ở quy định chung.

4.2.4. Quyền hưởng dụng tài sản gắn liền với đất

Theo quy định của Luật Đất đai 2013, người sử dụng đất có quyền tặng cho quyền sử dụng đất, việc tặng cho này có thể phân chia thành hai loại là: (i) tặng cho có tài sản và (ii) không có tài sản trên đất (Điều 167, Luật Đất đai 2013, Quốc hội, 2013).

Đối với trường hợp tặng cho có tài sản trên đất, lúc này họ có cả quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, tài sản này có thể cây trồng, vật kiến trúc. Do đó, việc tặng cho tài sản sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự. Khi đó, người tặng cho có thể tặng cho quyền sở hữu tài sản cho một người và trao quyền hưởng dụng tài sản cho người khác trong giao dịch tặng cho, bản chất ở đây là người có quyền chia tách quyền của mình đối với tài sản cho các người khác nhau. Vậy, sẽ có sự lúng túng nhất định đối với cơ quan nhà nước và các bên trong giao dịch về việc đăng ký tài sản đối với các tài sản bắt buộc phải đăng ký theo quy định pháp luật, ví dụ như là tặng cho tài sản là “căn nhà”, khi mà một bên là chủ sở hữu căn nhà, còn bên khác lại là quyền hưởng dụng căn nhà, còn chưa kể đến phát sinh khác như là chủ sở hữu tài sản “*thực hiện nghĩa vụ sửa chữa tài sản để bảo đảm không bị suy giảm đáng kể dẫn tới tài sản không thể sử dụng được hoặc mất toàn bộ công dụng, giá trị của tài sản*” (Khoản 4, Điều 263, BLDS 2015, Quốc hội, 2015).

Đối với trường hợp thừa kế quyền hưởng dụng tài sản theo di chúc: Theo quy định của pháp luật dân sự, “*cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình*” (Khoản 1, Điều 609, BLDS 2015, Quốc hội, 2015). Như vậy, người có quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà trên đất, muốn để lại di chúc cho một bên được hưởng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà và một bên hưởng quyền hưởng dụng căn nhà. Khi đó, người hưởng dụng căn nhà sẽ được quyền “*tự mình hoặc cho phép người khác khai thác, sử dụng, thu hoa lợi, lợi tức từ căn nhà*” (Khoản 1, Điều 260, BLDS 2015, Quốc hội, 2015) và thời gian hưởng dụng là cho đến khi chết đi, trong khi quyền sở hữu căn nhà lại là thuộc về người khác. Vấn đề đăng ký xác lập quyền sở hữu căn nhà và quyền hưởng dụng căn nhà là vướng mắc.

Bất cập trong trường hợp nêu trên là căn nhà thuộc chủ sở hữu, có quyền được thế chấp căn nhà không phải xin ý kiến hay có sự chấp thuận từ bên có quyền hưởng dụng, tuy nhiên, giới hạn của sự định đoạt là “*định đoạt tài sản nhưng không được làm thay đổi quyền hưởng dụng đã được xác lập*” (Khoản 1, Điều 263, BLDS 2015, Quốc hội, 2015), do đó, việc chủ sở hữu căn nhà mang căn nhà để thế chấp thực hiện giao dịch bảo đảm là có sự vướng mắc pháp lý.

5. Kết luận & gợi ý

Trên cơ sở các bất cập nêu trên về việc thực thi quyền hưởng dụng trên thực tế, cho thấy nó đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc công nhận, bảo vệ các quyền dân sự, cũng như chưa thực sự tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, chính vì vậy, tác giả đưa ra một số nội dung đề xuất mang tính gợi mở như sau:

Thứ nhất, đối với quyền hưởng dụng tài sản gắn liền với đất: bỏ cụm từ “*nhưng tối đa 30 năm đối với pháp nhân*” (Khoản 1, Điều 260, BLDS 2015, Quốc hội, 2015) và được lại viết lại đầy đủ như sau “*thời hạn quyền hưởng dụng do các bên thỏa thuận hoặc do luật quy định nhưng tối đa đến hết cuộc đời của người hưởng dụng đầu tiên nếu người hưởng dụng là cá nhân và đến khi pháp nhân chấm dứt tồn tại*”.

Thứ hai, quy định rõ ràng rằng chủ sở hữu chỉ sửa chữa những hư hỏng lớn, còn việc bảo dưỡng hoặc sửa chữa mang tính chất nhỏ nhặt, định kỳ của tài sản sẽ do người hưởng dụng thực hiện phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng hoặc phù hợp với phong tục, tập quán chung với từng đối tượng hưởng dụng cụ thể.

Thứ ba, việc góp vốn bằng quyền hưởng dụng để thành lập công ty thì quy định rõ ràng, minh thị: “*sau khi hết thời gian hoạt động của công ty, quyền về tài sản sẽ được trả lại cho người góp vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng góp vốn*”.

Thứ tư, cho phép được công bố, đăng ký tài sản quyền hưởng dụng đối với loại tài sản phải đăng ký.

Thứ năm, Bổ sung “yếu tố lỗi” vào trong phần quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (mục 1 Chương XX BLDS, 2015, Quốc hội, 2015), cụ thể: dựa vào từng hoàn cảnh cụ thể do nguyên nhân nào để xác định chủ thể nào phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại căn cứ vào yếu tố lỗi, cụ thể như sau:

“Đối với trường hợp, thiệt hại do công năng, chức năng tài sản bị suy giảm hoặc bị mất mà do lỗi của người đang có quyền hưởng dụng thì người đang có quyền hưởng dụng phải chịu trách nhiệm toàn bộ.

Đối với trường hợp, thiệt hại do công năng, chức năng tài sản bị suy giảm hoặc bị mất mà do lỗi của chủ sở hữu thì chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ”.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tư pháp. (2021). *Thông tư số 290/VBHN-BTP ngày 01/02/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp [Circular No. 290/VBHN-BTP dated February 1, 2021 of the Ministry of Justice guiding a number of issues on registration, provision of information on security interests, contracts and information exchange on registration of interests secured at transaction registration centers, assets of the National Register of Secured Transactions under the Ministry of Justice]*. Truy cập ngày 10/05/2022 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Van-ban-hop-nhat-290-VBHN-BTP-2021-Thong-tu-dang-ky-cung-cap-thong-tin-bien-phap-bao-dam-468857.aspx>
- Dinh, T. V., & Nguyen, T. M. (2001). *Giáo trình luật dân sự Việt Nam [Viet Nam Civil law textbook]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản công an nhân dân.
- Do, D. V. (2017). *Đối tượng của quyền hưởng dụng trong pháp luật Việt Nam [Subjects of usufruct right in Vietnamese law]*. Truy cập ngày 10/05/2022 tại <https://fdvn.vn/quyen-huong-dung-trong-phap-luat-viet-nam/>
- Do, D. V. (2016). *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự 2015 [Scientific commentary on new points of the Civil Code 2015]*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Hồng Đức.
- Doan, D. P. T., & Nguyen, Q. V. T. (2020). *Mối quan hệ giữa quyền hưởng dụng và quyền sở hữu tài sản dưới góc nhìn so sánh [The relationship between usufruct right and property ownership from a comparative perspective]*. Truy cập ngày 10/05/2022 tại <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210705>
- Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. (2017). *Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc Sở hữu của bên thế chấp [Case No. 11/2017/AL on recognition of mortgage contracts of land use rights where there are properties on the land that are not owned by the mortgagor]*. Truy cập ngày 10/05/2022 tại <https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/an-le/18692/an-le-so-11-2017-al-ve-cong-nhan-hop-dong-the-chap-quyen-su-dung-dat-ma-tren-dat-co-tai-san-khong-thuoc-so-huu-cua-ben-the-chap>

- Ngo, C. H. (2003). Tổng quan về luật tài sản [General outline on property law]. *Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, kinh tế-luật*, 19(3), 41-52.
- Nguyen, D. N. (1999). *Nghiên cứu về tài sản trong luật dân sự Việt Nam [Research on property in Vietnamese civil law]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyen, D. N. (2021). *Giáo trình luật dân sự - tập 1 [Civil law textbook - volume 1]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyen, O. M. (2018). *Vật quyền trong pháp luật dân sự Việt Nam hiện đại [Material rights in modern Vietnamese civil law]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Công an nhân dân.
- Nhà pháp luật Việt - Pháp. (2009). *Từ điển thuật ngữ pháp luật Pháp - Việt [French-Vietnamese dictionary of legal terms]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản từ điển Bách Khoa.
- Pham, N. D. (2011). *Giáo trình luật kinh tế [Business textbook]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản công an nhân dân.
- Quốc hội. (2013). *Luật Đất đai 2013 số 45/2013-QH13 ban hành ngày 29/11/2013, hiệu lực từ ngày 01/07/2014 [The Law No. 45/2013-QH13, promulgation on 29/11/2013, effect on 01/07/2014]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật.
- Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự 2015 số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015, hiệu lực từ ngày 01/01/2017 [The Law No. 91/2015/QH13, promulgation on 24/11/2015, effect on 01/01/2017]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật.
- Quốc hội. (2020). *Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ban hành ngày 25/11/2015, hiệu lực từ ngày 01/07/2016 [The Law No. 92/2015/QH13, promulgation on 25/11/2015, effect on 01/07/2016]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật.
- Trieu, M. Q. (2000). *Pháp luật và dân luật đại cương [General law and civil law]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
- Truong, D. Q., Doan, L. T., Ho, P. T., & Dao, A. N. T. (2005). *Bộ luật Dân sự Pháp [French-civil law]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Tư pháp.
- Việt Nam Cộng Hòa. (1973). *Bộ Dân luật 1972 [Civil law 1972]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Tối cao pháp viện xuất bản.
- Vu, M. V. (1970). *Từ điển Pháp - Việt pháp chính kinh tài xã hội [French-Vietnamese dictionary, political economy and society]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Viện đại học Vạn Hạnh.
- Vu, M. V. (1973). *Pháp luật nhập môn [Entry law]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Saigon.
- Vu, Y. H. T. (2015). *Tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 [Collateral and handling of mortgaged property in accordance with the provisions of the Civil Code 2015]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Sự thật.

